TÒA ÁN NHÂN DÂN NAM **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **177**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/4/2020
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền.

2. Ông Đỗ Thanh Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang*** *tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2020 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp T, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ấp T, xã DĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị T có mặt, anh có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 14/11/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn* ***Lê Thị Hồng T*** *trình bày*:

Chị và anh N chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 7/2018 sau khi sinh con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay.

Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thư K, sinh ngày 21/4/2018. Hiện con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

***** Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn **Nguyễn Thanh N** đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn vắng mặt. Đến ngày 21/02/2020, anh N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 06/2/2020, anh N có gửi bản tự khai trình bày:

Năm 2016, anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dưỡng Điềm. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không đạt được nên anh N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thư Kỳ, sinh ngày 21/4/2018. Do cháu K còn nhỏ nên anh Na đề nghị chị T nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Tưởng giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Vụ án có quan hệ tranh chấp "Ly hôn".

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh N xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 06/4/2016.

Tại phiên tòa, chị T trình bày nhiều vấn đề để cho rằng giữa hai vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến rạn nứt tình cảm hơn 02 năm nay. Chị cho rằng anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, nhất là sau khi chị sinh con chung được khoảng 03 tháng. Anh N thường xuyên nhậu nhẹt, từ khoảng 19 giờ ngày hôm trước đến tận hơn 00 giờ sáng ngày hôm sau mới về nhà, một tuần anh N đi nhậu khoảng 04 đến 05 lần như thế. Chị nhiều lần khuyên nhủ anh N nên ít nhậu, dành thời gian để phụ chị lo cho con chung, nhưng anh N vẫn không sửa đổi. Vì không thể khuyên nhủ được anh N, nên tháng 7/2018 chị bế con chung về nhà cha mẹ ruột ở Trảng Bàng, Tây Ninh sinh sống cho đến nay. Hai vợ chồng ly thân nhau từ thời gian đó. Trong thời gian ly thân, anh N không hề liên lạc, thăm nom con chung; chị có về nhà cha mẹ chồng mượn sổ hộ khẩu gia đình để làm bảo hiểm y tế cho con nhưng không được bên chồng giúp đỡ. Ba ruột chị mất, ba mẹ anh N, anh N không đi viếng, cũng không điện thoại hỏi thăm mẹ chị một lời nào.

Do không thể giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, anh N sống không có tình lại không có nghĩa với chị, hiện tại chị cũng không muốn hàn gắn tình cảm với anh N nên tại tòa chị T kiên quyết xin được ly hôn với anh N. Phía anh N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời anh có bản khai ngày 06/02/2020 gửi Tòa án đề nghị được ly hôn với chị T. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, anh N và chị T đã không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng, vì thế mục đích hôn nhân không thể nào đạt được, đôi bên cũng đã thể hiện rõ ý chí muốn được ly hôn nhau, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu xin ly hôn anh N của chị T là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thư K, sinh ngày 21/4/2018. Xét từ khi anh chị ly thân, cháu K được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (bút lục 28), cháu K là bé gái dưới 36 tháng tuổi, chị T có công việc và thu nhập ổn định (bút lục 18 – 27). Từ đó cho thấy, chị T có đủ điều kiện để chăm

sóc và nuôi dưỡng con chung, anh N cũng đồng ý việc này, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định tiếp tục giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh N tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng T.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Ngọc Thư K, sinh ngày 21/4/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

2/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01792 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
TÒA
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI